

Sự kiện Phật Thành Đạo: Tư liệu kinh điển, giá trị triết học và nhận thức luận Phật giáo

ISSN: 2734-9195 08:00 25/01/2026

Việc nghiên cứu nghiêm túc sự kiện Phật thành đạo không chỉ cho thấy Phật giáo với bản chất trí tuệ vốn có, mà còn định hướng, gợi mở đúng đắn cho nghiên cứu và thực hành Phật học trong xã hội đương đại.

Tóm tắt

Sự kiện Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo dưới cội Bồ-đề tại Bodhgayā là điểm khởi nguyên của toàn bộ hệ thống tư tưởng Phật giáo. Tuy nhiên, trong quá trình truyền bá và tiếp nhận đại chúng, sự kiện này nhiều khi bị thần thoại hóa, làm lu mờ chiều sâu triết học và giá trị nhận thức luận vốn có. Bài viết đối chiếu các nguồn kinh điển sớm thuộc hệ Pāli Nikāya và A-hàm, nhằm làm rõ ba vấn đề cốt lõi: (1) cơ sở tư liệu và tính khả tín lịch sử của sự kiện Phật thành đạo; (2) nội dung giác ngộ như một cấu trúc tri thức hoàn chỉnh, không chỉ là kinh nghiệm cá nhân; và (3) ý nghĩa phương pháp luận của sự kiện này đối với nghiên cứu và thực hành Phật học đương đại. Qua đó, bài viết khẳng định rằng giác ngộ trong Phật giáo là kết quả của một tiến trình tuệ giác có thể khảo sát, phân tích và thực nghiệm, chứ không phải một mặc khải siêu nhiên.

Từ khóa: Phật thành đạo, giác ngộ, Bodhgayā, Tứ Thánh đế, Thập nhị nhân duyên, nhận thức luận Phật giáo.

Đặt vấn đề: Phật thành đạo như một sự kiện tư tưởng

Trong lịch sử Phật giáo, sự kiện Phật thành đạo có ý nghĩa quan trọng, bởi đây không chỉ là một mốc tiểu sử của đức Phật, mà còn là thời điểm khai sinh toàn bộ giáo pháp. Tuy nhiên, cách tiếp cận sự kiện này giữa sinh hoạt tín ngưỡng và nghiên cứu học thuật có sự khác biệt căn bản. Trong khi tín ngưỡng nhấn mạnh tính linh thiêng và biểu tượng, thì nghiên cứu Phật học đặt câu hỏi về bản chất của sự giác ngộ và giá trị nhận thức mà sự kiện này mang lại.



(Ảnh: Internet)

Chính từ sự khác biệt ấy, một vấn đề học thuật đặt ra, liệu sự kiện Phật thành đạo có thể được tiếp cận như một hiện tượng lịch sử – triết học, hay chỉ tồn tại trong không gian huyền thoại tôn giáo? Việc trả lời câu hỏi này không chỉ có ý nghĩa phương pháp luận, mà còn quyết định cách hiểu đúng hay sai về bản chất của Phật giáo như một truyền thống trí tuệ.

Để trả lời, trước hết cần quay về với các nguồn tư liệu sớm nhất ghi nhận sự kiện thành đạo.

Tư liệu kinh điển và bối cảnh lịch sử của sự kiện thành đạo

Các ghi chép sớm nhất về sự kiện Phật thành đạo được bảo tồn trong kinh điển Pāli Nikāya và các bản kinh A-hàm trong Hán tạng. Dù các văn bản này được kết tập sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, giới nghiên cứu hiện đại nhìn chung thừa nhận rằng chúng phản ánh một tầng truyền thống rất sớm, có độ khả tín cao về nội dung cốt lõi.

Trong Ariyapariyesanā-sutta (MN 26), Đức Phật tự thuật về hành trình tìm cầu chân lý của mình:

Này các Tỷ-kheo, Ta cũng vậy, trước khi Giác Ngộ, khi chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già, lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu"... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Tại sao Ta, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già... (như trên)..."

tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm? Vậy Ta, tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, hãy tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già... cái không già... tự mình bị bệnh... cái không bệnh... tự mình bị chết... cái bất tử... tự mình bị sâu... cái không sâu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị nhiễm, hãy tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn.

Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian, khi Ta còn trẻ, niên thiếu, tóc đen nhánh, đầy đủ huyết khí của tuổi thanh xuân, trong thời vàng son cuộc đời, mặc dầu cha mẹ không bằng lòng, nước mắt đầy mắt, than khóc, Ta cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.[1]

Như vậy, đức Phật đã trải hành trình nhiều giai đoạn, từ việc học thiền định với các đạo sư đương thời, đến thực hành khổ hạnh cực đoan trong sáu năm, và cuối cùng là sự từ bỏ con đường ép xác. Quyết định tiếp nhận bát sữa của Sujātā, theo kinh văn, không phải là một chi tiết phụ, mà đánh dấu sự chuyển hướng căn bản trong nhận thức: từ khổ hạnh sang Trung đạo.

Điều đáng chú ý là các kinh điển sớm không mô tả sự thành đạo như một biến cố thần linh can thiệp, mà như kết quả tất yếu của một tiến trình tu tập liên tục, dựa trên định (samādhi) và tuệ (pañña). Sự kiện đêm thành đạo dưới cội Assattha được trình bày ngắn gọn, tiết chế, tránh tô vẽ huyền bí, một đặc điểm cho thấy khuynh hướng hiện thực và lý trí của Phật giáo sơ kỳ.

Từ nền tảng tư liệu này, có thể chuyển sang phân tích nội dung cốt lõi của giác ngộ mà Đức Phật đã chứng đạt.

Nội dung giác ngộ: từ kinh nghiệm cá nhân đến cấu trúc chân lý phổ quát



(Ảnh: Internet)

Theo Mahāsaccaka-sutta (MN 36) và các bản kinh song hành trong Trung A-hàm, trong đêm thành đạo, Đức Phật lần lượt chứng đạt ba minh (tevijjā): túc mạng minh, thiên nhãn minh và lậu tận minh:

“Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh [...],

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Thiên nhãn minh [...],

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận minh [...]”.[2]

Điều này này cho thấy giác ngộ không phải là một khoảnh khắc ngẫu nhiên, mà là tiến trình nhận thức có trật tự, từ nhận thức về quá khứ, hiện tại của chúng sinh, đến sự đoạn tận hoàn toàn vô minh.

Trong ba minh, lậu tận minh giữ vai trò quyết định, bởi chính tại đây, Đức Phật chứng ngộ Tứ Thánh đế và Thập nhị nhân duyên. Tứ Thánh đế không phải là những mệnh đề siêu hình trừu tượng, mà là một mô hình nhận thức mang tính phân tích và thực nghiệm: nhận diện vấn đề (khổ), truy nguyên nguyên nhân (tập), xác lập khả năng giải quyết (diệt) và chỉ ra phương pháp thực hành (đạo).

“Đây là Khổ Thánh đế [...]. Đây là Tập Thánh đế [...]. Đây là Diệt Thánh đế [...]. Đây là Đạo Thánh đế [...]”.[3]

Thập nhị nhân duyên, mặt khác, cung cấp nền tảng triết học cho cái nhìn duyên khởi (paṭiccasamuppāda), cho thấy khổ đau không do một đấng sáng tạo, cũng không phải định mệnh, mà là chuỗi điều kiện tương thuộc, trong đó vô minh đóng vai trò khởi điểm:

“Do vô minh có hành sinh; Do hành có thức sinh; Do thức có danh sắc sinh; Do danh sắc có lục nhập sinh; Do lục nhập có xúc sinh; Do xúc có thọ sinh; Do thọ có ái sinh; Do ái có thủ sinh; Do thủ có hữu sinh; Do hữu có sinh sinh; Do sinh có lão tử sầu bi khổ ưu não sinh hay toàn bộ khổ uẩn sinh. Đây gọi là Duyên khởi hay Duyên sinh”.[4]

Chính sự tuệ tri về duyên khởi này đã làm nên chiều sâu triết học của giác ngộ Phật giáo.

Từ nội dung giác ngộ, có thể thấy rõ một hệ quả quan trọng: sự kiện Phật thành đạo không chỉ mang ý nghĩa cá nhân, mà mở ra một hệ thống nhận thức mới, dẫn đến một cuộc chuyển đổi căn bản trong tư duy tôn giáo và triết học Ấn Độ cổ đại.

Phật Thành Đạo và cuộc cách mạng trong nhận thức luận

Từ góc nhìn nhận thức luận, sự kiện Phật Thành Đạo đánh dấu sự xuất hiện của một phương pháp tiếp cận chân lý không dựa trên mặc khải hay uy quyền kinh điển Veda. Trong nhiều kinh, Đức Phật nhấn mạnh rằng chân lý phải được tự mình chứng nghiệm, không thể tiếp nhận chỉ bằng niềm tin hay truyền thống (AN 3.65 – Kālāma-sutta):

Này các Kalama, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết, chớ có tin vì theo truyền thống, chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng, chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình, chớ có tin vì đúng theo một lập trường, chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện, chớ có tin vì phù hợp với định kiến, chớ có tin vì xuất phát từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình. Nhưng này các Kalama, khi nào tự mình biết rõ: Các pháp này là thiện, các pháp này là không có tội, các pháp này được người có trí tán thán, các pháp này nếu chấp nhận và thực hành sẽ đưa đến an lạc và hạnh phúc, lúc ấy, các người hãy chấp nhận và thực hành.[5]



(Ảnh: Internet)

Tinh thần này thể hiện rõ trong con đường Trung đạo, nơi nhận thức luôn gắn liền với thực hành. Giác ngộ không phải là trạng thái xuất thần tách rời đời sống, mà là sự hiểu biết đúng đắn về thực tại, dẫn đến chuyển hóa khổ đau ngay trong đời sống con người.

Chính vì vậy, Phật thành đạo có thể được xem như một cuộc “cách mạng nhận thức”: thay thế mô hình “chân lý được ban cho” bằng mô hình “chân lý được chứng nghiệm”. Đây là điểm then chốt giúp Phật giáo, ngay từ khởi nguyên, mang trong mình tinh thần phản tỉnh, đối thoại và gần gũi với tư duy khoa học.

Từ nền tảng nhận thức luận ấy, ý nghĩa của sự kiện Phật thành đạo đối với Phật học đương đại trở nên đặc biệt rõ ràng.

Ý nghĩa của sự kiện Phật Thành Đạo đối với nghiên cứu và thực hành Phật học hiện nay

Trong bối cảnh hiện đại, khi Phật giáo đôi lúc bị giản lược thành nghi lễ cầu xin hoặc thực hành mang màu sắc mê tín, việc trở về với ý nghĩa nguyên thủy của sự kiện Phật thành đạo là một yêu cầu cấp thiết. Đối với giới nghiên cứu, sự kiện này nhấn mạnh rằng Phật học không chỉ là lĩnh vực tín ngưỡng, mà là một ngành nghiên cứu triết học - tôn giáo nghiêm túc, đòi hỏi phương pháp và tư duy phản biện.

Đối với người học và hành Phật, ngày Phật thành đạo không chỉ là dịp tưởng niệm, mà là lời nhắc nhở về tinh thần tự giác, tự chứng, lấy trí tuệ làm trung tâm. Chỉ khi nào tinh thần ấy được phục hồi, Phật giáo mới giữ được bản chất là con đường giải thoát dựa trên tuệ giác, chứ không rơi vào hình thức sùng tín

thuần túy.

Kết luận

Sự kiện đức Phật Thành Đạo không phải là một huyền thoại thần bí, mà là một thành tựu nhận thức mang ý nghĩa lịch sử và triết học sâu sắc. Dưới sự khảo cứu tư liệu kinh điển sớm và phân tích học thuật, giác ngộ của đức Phật hiện ra như kết quả của một tiến trình tu tập có cấu trúc, dựa trên định và tuệ, có thể được khảo sát và thực nghiệm. Việc nghiên cứu nghiêm túc sự kiện Phật thành đạo không chỉ cho thấy Phật giáo với bản chất trí tuệ vốn có, mà còn định hướng, gợi mở đường dẫn cho nghiên cứu và thực hành Phật học trong xã hội đương đại.

Tác giả: **Ngô Minh Chương** - Học viên Cử nhân Phật học Từ xa Khóa X - Học viện PGVN tại TP.HCM

Chú thích:

- [1] Kinh Thánh Cầu, Trung Bộ Kinh, 26
- [2] Trong Đại kinh Saccaka (kinh Trung bộ I, số 36)
- [3] Kinh Chuyển Pháp Luân (kinh **Tương Ưng Bộ**)
- [4] (Kinh Tương ưng bộ II).
- [5] Kinh Kalama Sutta (AN 3.65)

Tài liệu tham khảo:

- 1] Majjhima Nikāya, ed. V. Trenckner & R. Chalmers, Pāli Text Society.
- 2] Saṃyutta Nikāya, ed. L. Feer, Pāli Text Society.
- 3] Aṅguttara Nikāya, ed. R. Morris & E. Hardy, PTS.
- 4] Trung A-hàm (阿含), Taishō Tripiṭaka, No. 26.